CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TRUNG TÂM DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: NNHV-22 /DBQG	*Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2026*

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠN VỪA
(Từ ngày 16 đến 30/11/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 70-140mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tăng so với thời kỳ trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 76%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô tăng so với thời kỳ trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn khoảng 56% so với TBNN cùng kỳ. + Sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình thấp hơn 33% TBNN cùng kỳ. + Trên sông Hồng: Trong 15 ngày qua hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo thủy triều và chịu điều tiết thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 6%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-50mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo giảm so với thời kỳ trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 67%. + Trên sông Lô: lưu lượng dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 44%. + Sông Đà: Dự báo lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ giảm; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình thời kỳ tới dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 50%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục dao động theo điều tiết của hồ chứa thượng lưu và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 18%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 40-80mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, dòng chảy biến đổi chậm và giảm so với thời kỳ trước, tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 24%. + Trên sông Lục Nam, dòng chảy biến đổi chậm và giảm so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ 80%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-40mm, có nơi cao hơn
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, dòng chảy giảm so với thời kỳ trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy có khả năng ở mức tương đương TBNN cùng kì. + Trên sông Lục Nam, dòng chảy có khả năng giảm so với thời kỳ trước, tổng lượng dòng chảy tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 32%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 50-100mm; phía Nam 200-300mm, riêng Nam Đông (Tp. Huế) 661mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa đầu tháng 11/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với nửa cuối tháng, riêng các sông ở Nghệ An ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 26%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 53%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 62%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 81%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Từ ngày 09-13/11, trên các sông đã xuất hiện 1 đợt lũ, đỉnh lũ các sông lên mức BĐ1-BĐ2 một số sông lên trên mức BĐ2. Tổng lượng dòng chảy trên các sông có xu thế tăng, trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 30%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 30-60mm; phía Nam 150-300mm, có nơi cao hơn
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa cuối tháng 11/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi so với nửa đầu tháng 11, riêng các sông ở Hà Tĩnh tăng nhẹ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm

Thủy xấp xỉ TBNN cùng kỳ; sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 25%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 34%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 62%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Nửa cuối tháng 11, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 6%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: phổ biến 200-400mm, có nơi trên 600mm như Ba Tơ (Quảng Ngãi) 623mm, Trà My (Tp. Đà Nẵng) 1087mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Từ 10-13/11, trên các sông đã xuất hiện 1 đợt lũ, đỉnh lũ trên các sông ở thành phố Đà Nẵng phổ biến ở mức BĐ1-BĐ2, các sông ở tỉnh Quảng Ngãi lên mức BĐ2-BĐ3, có sông trên BĐ3. Tổng lượng dòng chảy các sông có xu thế tăng, trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 48%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang thấp hơn TBNN cùng kỳ 39%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: đã xuất hiện một đợt lũ từ ngày 10 đến 13/11. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 64% so với TBNN, sông Ba (Đăk Lăk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 64%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng xấp xỉ TBNN, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 80%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 72% so với TBNN.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: phía bắc phổ biến 150-250mm, có nơi cao hơn; phía nam 70-140mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa đầu tháng 11, dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 65%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang ở mức thấp hơn 67%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng trên các sông sẽ biến đổi chậm và có khả năng xuất hiện dao động vào thời kỳ cuối. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn 75% so với TBNN, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức thấp hơn 38% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 50-100mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Những ngày đầu tháng 11, lưu lượng dòng chảy trên sông Đắkbla (Quảng Ngãi) và sông Krông Ana (Đắk Lắk) ít biến đổi, sau đó từ ngày 11-13/11 có xu thế tăng, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở mức xấp xỉ và thấp hơn so với nửa cuối tháng 10, riêng sông Đắk Bla ở mức cao hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đắkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 86%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 67%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế giảm dần.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phía bắc 20-40mm; phía nam 30-60mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa cuối tháng 11, lưu lượng dòng chảy trên sông ĐắkBla dao động theo điều tiết của chứa hồ thủy điện; sông Krông Ana có dao động sau ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đắkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 83%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 65%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục giảm dần. Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức thấp hơn 20% so với TBNN và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức thấp hơn TBNN 45%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15 giờ 00 ngày 01/12/2026

Tin phát lúc: 15 giờ 00 phút

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 16 đến ngày 30/11/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	175	>403	15-30	>5-15%
	Sơn La	58	>136	20-40	>5-15%
	Hòa Bình	177	>465	30-60	>5-15%
	Lào Cai	114	>275	30-60	>5-15%
	Yên Bái	71	>72	20-40	>5-15%
	Tuyên Quang	106	>224	20-40	>5-15%
	Hà Giang	229	>465	20-40	>5-15%
	Láng	53	>37	30-60	>5-15%
	Thái Bình	110	>165	30-60	>5-15%
	Nam Định	217	>500	20-40	>5-15%
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	137	>443	20-40	>5-15%
	Thái Nguyên	88	>133	20-40	>5-15%
	Bắc Ninh	84	>112	30-60	>5-15%
	Lạng Sơn	83	>155	20-40	>5-15%
	Bắc Giang	21	<38	20-40	>5-15%
	Hải Dương	53	>33	20-40	>5-15%
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	59	>130	20-40	Xấp xỉ
	Bái Thượng	140	>184	30-60	Xấp xỉ
	Thanh Hóa	211	>354	30-60	Xấp xỉ
	Quỳ Châu	90	>156	30-60	Xấp xỉ
	Cửa Rào	21	>20	30-60	Xấp xỉ
	Đô Lương	93	>66	30-60	Xấp xỉ
	Vinh	97	>43	30-60	<10-20%
	Hương Sơn	56	<35	30-60	<10-20%
	Hương Khê	69	<37	30-60	<10-20%
	Hà Tĩnh	219	>69	40-80	<10-20%
	Đồng Hới	263	>68	100-200	<20-40%
	Quảng Trị	217	<14	100-200	<20-40%
	Nam Đông	661	>27	150-250	<20-40%
	Huế	295	<24	150-250	<20-40%
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	247	<17	150-250	<20-40%
	Trà My	1087	>102	150-250	<20-40%
	Ba Tơ	623	>22	150-250	<20-40%
	Quảng Ngãi	289	<17	150-250	<20-40%
	Quy Nhơn	326	>19	100-200	<15-30%

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
	An Khê	169	<13	70-140	<15-30%
	Tuy Hòa	391	>15	70-140	<15-30%
	Nha Trang	186	<12	70-140	<15-30%
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	49	>10	20-40	<15-30%
	Lắk	66	<21	20-40	<15-30%
	Buôn Mê Thuột	69	>1	20-40	<15-30%
	Biên Hòa	94	>53	30-60	<15-30%
	Cần Thơ	98	>25	30-60	<15-30%

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 16 đến ngày 30/11/2026

Đơn vị: 10^6 m^3

Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo	So sánh TBNN (%)	Dự báo	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	W	179	<76	156	<67
Lô	Tuyên Quang	W	290	<56	259	<44
Đà	Hồ Hòa Bình	W	988	<33	544	<50
Hồng	Hà Nội	W	2063	<6	1944	>18
Cầu	Gia Bảy	W	48.4	<24	38	>1
Lục Nam	Chũ	W	7.9	<80	7	<32
Mã	Cẩm Thủy	W	295	< 26	298	~ TBNN
Cả	Yên Thượng	W	403	< 53	382	< 25
La	Hòa Duyệt	W	128	< 62	136	< 34
Tả Trạch	Thượng Nhật	W	44.6	< 30	44.1	< 12
Thu Bồn	Nông Sơn	W	722	< 48	477	< 62
Trà Khúc	Sơn Giang	W	569	< 39	308	< 66
Ba	Củng Sơn	W	406	<64	259	<75
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	W	152.9	>1	103.7	<38
ĐăkBla	KonTum	W	30.3	< 86	29.8	< 83
Srêpôk	Giang Sơn	W	78.5	< 67	84.2	< 65
Tiền	Tân Châu	W			14414	< 20
Hậu	Châu Đốc	W			2006	< 45